

Số: 2528/QĐ-ĐHTN

Thái Nguyên, ngày 09 tháng 6 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định phát triển chương trình đào tạo
các trình độ của giáo dục đại học của Đại học Thái Nguyên**

GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

Căn cứ Nghị định số 31/CP ngày 4 tháng 4 năm 1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Nghị quyết số 39/NQ-HĐĐHTN ngày 19 tháng 11 năm 2021 của Hội đồng Đại học Thái Nguyên ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số 2351/QĐ-ĐHTN ngày 02 tháng 12 năm 2022 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ của Đại học Thái Nguyên;

Theo đề nghị của Trưởng ban Ban Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định phát triển chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học của Đại học Thái Nguyên.

Điều 2. Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế cho Quyết định số 691/QĐ-ĐHTN ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy định phát triển chương trình đào tạo trình độ đại học của Đại học Thái Nguyên.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng các Ban chức năng, Thủ trưởng đơn vị thành viên, đơn vị thuộc và trực thuộc Đại học Thái Nguyên và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3,
- Lưu: VT, ĐT.



PGS.TS. Hoàng Văn Hùng

QUY ĐỊNH

Phát triển chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học của Đại học Thái Nguyên

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2528 /QĐ-ĐHTN ngày 29 tháng 6 năm 2023
của Giám đốc Đại học Thái Nguyên)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Văn bản này quy định về phát triển chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học, bao gồm: xây dựng chương trình đào tạo mới; rà soát, chỉnh sửa, cập nhật và đánh giá chương trình đào tạo đối với các trường đại học thành viên, Phân hiệu Đại học Thái Nguyên (ĐHTN), Trường Ngoại ngữ và Khoa Quốc tế (sau đây gọi chung là cơ sở đào tạo).

Điều 2. Các khái niệm, thuật ngữ

1. Quy trình đào tạo bao gồm xây dựng và áp dụng chuẩn đầu ra, chương trình đào tạo, phương pháp giảng dạy và học tập (kể cả nghiên cứu khoa học), thực thi chương trình đào tạo, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập và cấp bằng tốt nghiệp.

2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo là yêu cầu tối thiểu về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân mà người học đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo, được cơ sở đào tạo cam kết với người học, xã hội và công bố công khai cùng với các điều kiện đảm bảo thực hiện.

3. Chương trình đào tạo là một hệ thống các hoạt động giáo dục, đào tạo được thiết kế và tổ chức thực hiện nhằm đạt được các mục tiêu đào tạo, hướng tới cấp một văn bằng giáo dục đại học cho người học. Chương trình đào tạo bao gồm mục tiêu, khối lượng kiến thức, cấu trúc, nội dung, phương pháp và hình thức đánh giá đối với học phần, ngành học, trình độ đào tạo, chuẩn đầu ra phù hợp với Khung trình độ quốc gia Việt Nam; điều kiện cơ sở vật chất - kỹ thuật, cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ và hoạt động học thuật của các cơ sở đào tạo được giao nhiệm vụ tổ chức đào tạo.

4. Chương trình dạy học của một chương trình đào tạo ở một trình độ cụ thể bao gồm: Mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và mỗi học phần; nội dung đào tạo, phương pháp đánh giá và thời lượng của chương trình đào tạo và mỗi học phần.

5. Các bên liên quan đến cơ sở đào tạo bao gồm người học, giảng viên, nhân viên, đội ngũ lãnh đạo và quản lý, cựu người học, nhà sử dụng lao động, các đối tác, gia đình người học, nhà đầu tư, cơ quan quản lý trực tiếp, cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục, tổ chức, cá nhân có liên quan khác.

6. Triết lý giáo dục là một tập hợp các quan điểm cốt lõi định hướng mục tiêu giáo dục, nội dung và phương pháp dạy học, vai trò của giảng viên và người học trong hoạt động giáo dục.

7. Học phần là khối lượng kiến thức tương đối trọn vẹn, thuận tiện cho sinh viên tích lũy trong quá trình học tập. Kiến thức trong mỗi học phần phải gắn với một mức trình độ theo năm học thiết kế và được kết cấu riêng như một phần của môn học hoặc được kết cấu dưới dạng tổ hợp từ nhiều môn học. Mỗi học phần phải được ký hiệu bằng một mã số riêng.

Chương II

PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Điều 3. Nguyên tắc phát triển chương trình đào tạo

1. Các ngành, chuyên ngành mới phải được điều tra, khảo sát, có nhu cầu xã hội cao, có dự báo nhu cầu nguồn nhân lực trước mắt và lâu dài, có hiệu quả cao, đáp ứng yêu cầu của sự phát triển kinh tế - xã hội.

2. Đảm bảo tính hệ thống và tính liên thông giữa các chương trình đào tạo đại học và chương trình đào tạo đại học với chương trình đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ trong kế hoạch tổng thể phát triển ngành, chuyên ngành.

3. Phù hợp với quy hoạch ngành, chuyên ngành đào tạo của ĐHTN và sứ mệnh, tầm nhìn, chức năng, nhiệm vụ, gắn liền với việc thực hiện chiến lược phát triển của cơ sở đào tạo và của ĐHTN.

4. Ưu tiên xây dựng các ngành, chuyên ngành có tính liên ngành, chuyên biệt, phát huy thế mạnh của các cơ sở đào tạo; tăng cường khả năng liên kết các cơ sở đào tạo trong ĐHTN; hợp tác với các viện nghiên cứu, các doanh nghiệp và các cơ sở sử dụng người học sau tốt nghiệp.

5. Chương trình đào tạo phải thể hiện được triết lý giáo dục của cơ sở đào tạo.

6. Chương trình đào tạo phải được xây dựng phù hợp với Khung trình độ quốc gia Việt Nam và các quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo, ĐHTN và cơ sở đào tạo.

7. Chương trình đào tạo được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra theo quy định hiện hành của ĐHTN. Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra phải rõ ràng.

8. Chương trình đào tạo tích hợp phát triển kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ, chịu trách nhiệm, phẩm chất đạo đức trong học phần và nhóm học phần, theo trình tự giảng dạy các học phần, thể hiện qua bảng ma trận đóng góp của học phần và chuẩn đầu ra từng học phần vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

9. Đảm bảo các học phần bổ sung, hỗ trợ và liên quan chặt chẽ với nhau; có cấu trúc, trình tự logic.

10. Số tín chỉ của học phần được thiết kế từ 03 tín chỉ trở lên, trừ các học phần thực hành, thí nghiệm và các học phần thuộc khối kiến thức về lý luận chính trị. Các học phần tự chọn trong chương trình đào tạo phải chiếm ít nhất 30% khối lượng kiến thức và số học phần tự chọn phải gấp hơn 02 lần số học phần mà người học phải chọn.

11. Xây dựng kế hoạch kiểm tra, đánh giá phù hợp với chuẩn đầu ra (hình thức, phương pháp, thời lượng, thời gian kiểm tra, đánh giá) phù hợp với đặc thù của từng học phần trong tiến trình của toàn khóa đào tạo.

12. Có sự tham gia, đóng góp của các bên liên quan trong quá trình xây dựng và phát triển chương trình đào tạo.

Điều 4. Các bước xây dựng chương trình đào tạo

Các bước xây dựng chương trình đào tạo mới bao gồm:

1. Bước 1: Thủ trưởng cơ sở đào tạo thành lập Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo trên cơ sở đề nghị của khoa chuyên môn. Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo có ít nhất 05 thành viên gồm chủ tịch, thư ký và các ủy viên, trong đó chủ tịch Hội đồng có chức danh giáo sư hoặc phó giáo sư. Thành phần Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo là những người có kinh nghiệm thực tiễn, có uy tín chuyên môn, am hiểu về ngành/chuyên ngành đào tạo và có năng lực xây dựng, phát triển chương trình đào tạo bao gồm: Đại diện đơn vị chuyên môn liên quan, đại diện phòng đào tạo, giảng viên ngành phù hợp, nhà khoa học, chuyên gia giáo dục và các thành phần liên quan khác theo yêu cầu của ngành đào tạo. Thành viên Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo trình độ đại học và trình độ thạc sĩ phải có trình độ thạc sĩ trở lên; thành viên Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ phải có trình độ tiến sĩ trở lên.

2. Bước 2: Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo nghiên cứu các chương trình đào tạo hiện hành của ngành (của các trường có uy tín trong và ngoài nước), tham khảo ý kiến chuyên gia, căn cứ tầm nhìn, sứ mạng của cơ sở đào tạo, Khung trình độ quốc gia Việt Nam, các tiêu chuẩn chất lượng chương trình đào tạo trong và ngoài nước, tiêu chuẩn nghề nghiệp (nếu có) để xây dựng mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể,

chuẩn đầu ra dự kiến (Phụ lục 1) và khung chương trình đào tạo với các khối kiến thức các học phần trong từng khối kiến thức và mối liên hệ giữa các học phần. Sản phẩm của bước này là Dự thảo chương trình đào tạo lần 1.

3. Bước 3: Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo tổ chức thu thập thông tin phản hồi và yêu cầu của các bên liên quan bao gồm các nhà khoa học, giảng viên, nhà tuyển dụng lao động, cựu sinh viên, sinh viên năm cuối về mục tiêu, chuẩn đầu ra và khung chương trình đào tạo thông qua hình thức khảo sát hoặc tổ chức hội thảo. Mẫu phiếu điều tra xem Phụ lục 2, Phụ lục 3. Căn cứ phân tích kết quả khảo sát và yêu cầu của các bên liên quan, Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo hoàn thiện mục tiêu, chuẩn đầu ra và khung chương trình đào tạo, ma trận đóng góp của các học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (Phụ lục 4), lộ trình phát triển kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ, chịu trách nhiệm hoàn thành Dự thảo chương trình đào tạo lần 2. Ban hành chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

4. Bước 4: Tổ chức xây dựng chuẩn đầu ra của học phần trong Dự thảo chương trình đào tạo lần 2 theo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo đã được phê duyệt theo trình tự sau:

- a) Tổ chức hội thảo về xây dựng chuẩn đầu ra cho các học phần trong chương trình.
- b) Từ chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, tổ chức xây dựng chuẩn đầu ra cho từng học phần.
- c) Tổ chức họp Hội đồng Khoa học và Đào tạo khoa chuyên môn để đánh giá chuẩn đầu ra các học phần.
- d) Điều chỉnh chuẩn đầu ra của học phần theo kết luận của Hội đồng Khoa học và Đào tạo khoa chuyên môn.

Kết quả của bước này là Chuẩn đầu ra tích hợp trong các học phần, thể hiện đóng góp của các học phần trong việc hình thành chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (Phụ lục 4, Phụ lục 5).

5. Bước 5: Hội đồng Khoa học và Đào tạo của khoa chuyên môn rà soát trình tự thực hiện các khối kiến thức và các học phần để đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo một cách tối ưu. Trình tự các môn học/ học phần mô tả rõ sự phát triển kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ, chịu trách nhiệm qua nghiên cứu, học tập ở một hoặc nhiều học phần trong một giai đoạn nhất định hoặc trong toàn bộ quá trình đào tạo, đây là cơ sở để hoàn thiện Dự thảo chương trình đào tạo lần 3 và bản đồ chương trình dạy học.

6. Bước 6: Thiết kế đề cương chi tiết các học phần theo chuẩn đầu ra các học phần của chương trình đào tạo. Lựa chọn các phương pháp dạy và học, kiểm tra đánh

giá giúp người học đạt được chuẩn đầu ra của học phần. Tham khảo các phương pháp dạy và học, kiểm tra, đánh giá phù hợp với chuẩn đầu ra tại Phụ lục 6.

7. Bước 7: Tổ chức hội thảo để lấy ý kiến đóng góp của các bên liên quan và hoàn thiện chương trình đào tạo. Sản phẩm bước này là Dự thảo chương trình đào tạo lần 4.

8. Bước 8: Hội đồng Khoa học và Đào tạo của cơ sở đào tạo xem xét, đối chiếu chương trình đào tạo với chuẩn đầu ra, các tiêu chuẩn kiểm định chất lượng và góp ý hoàn chỉnh chương trình đào tạo. Sản phẩm của bước này là Chương trình đào tạo hoàn chỉnh.

Điều 5. Tổ chức thẩm định chương trình đào tạo

1. Hiệu trưởng các trường đại học thành viên ra quyết định thành lập Hội đồng thẩm định và tổ chức thẩm định chương trình đào tạo của các cơ sở đào tạo. Giám đốc ĐHTN ra quyết định thành lập Hội đồng thẩm định và tổ chức thẩm định chương trình đào tạo của Trường Ngoại ngữ, Khoa Quốc tế và Phân hiệu ĐHTN.

2. Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo có ít nhất 05 thành viên, trong đó có chủ tịch, thư ký và các ủy viên hội đồng; các thành viên hội đồng thẩm định phải đến từ ít nhất 02 cơ sở đào tạo khác nhau ngoài ĐHTN, có kinh nghiệm đào tạo cùng ngành và cùng trình độ với ngành đào tạo được thẩm định, trong đó có ít nhất 01 giáo sư hoặc phó giáo sư (trừ các thành viên đại diện cho đơn vị sử dụng lao động). Chủ tịch hội đồng thẩm định là người ngoài cơ sở đào tạo. Trường hợp không có người đại diện cho đơn vị sử dụng lao động đủ tiêu chuẩn tham gia hội đồng thẩm định thì có thể mời người có trình độ thạc sĩ từ 03 năm trở lên cùng ngành đào tạo và có tối thiểu 05 năm kinh nghiệm thực tiễn thuộc lĩnh vực của ngành đào tạo tham gia làm ủy viên hội đồng thẩm định chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo như tiêu chuẩn thành viên Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo và không phải là thành viên Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo.

3. Hồ sơ đề nghị thẩm định chương trình đào tạo bao gồm:

a) Tờ trình xin thẩm định chương trình đào tạo.

b) Đề án xây dựng chương trình đào tạo mới (Phụ lục 7).

c) Biên bản hội thảo, báo cáo tổng hợp góp ý về mục tiêu, chuẩn đầu ra, khung chương trình đào tạo.

d) Danh sách đề nghị ít nhất 05 thành viên Hội đồng thẩm định, trong đó có các chuyên gia trong và ngoài cơ sở đào tạo đại diện của cơ sở sử dụng sinh viên tốt nghiệp.

4. Biên bản họp Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo phải ghi đầy đủ diễn biến nội dung cuộc họp, kết quả biểu quyết, kết luận, kiến nghị hội đồng thẩm định theo các nội dung về chương trình đào tạo; sự phù hợp của đội ngũ giảng viên cơ hữu và các điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo với chương trình đào tạo. Chương trình đào tạo đạt yêu cầu khi có tối thiểu 3/4 thành viên có mặt bỏ phiếu đồng ý thông qua. Hội đồng thẩm định phải kết luận rõ ràng một trong các nội dung sau: Hội đồng thông qua chương trình đào tạo, không cần chỉnh sửa, bổ sung hoặc hội đồng thông qua chương trình đào tạo nhưng yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung và nêu nội dung cụ thể cần chỉnh sửa, bổ sung hoặc hội đồng không thông qua chương trình đào tạo và nêu lý do không được thông qua.

5. Trường hợp thẩm định chương trình đào tạo để phục vụ mở ngành đào tạo mới, Hội đồng thẩm định phải căn cứ vào các điều kiện đảm bảo chất lượng thực tế của cơ sở đào tạo để đánh giá và kết luận cơ sở đào tạo có đáp ứng yêu cầu đảm bảo chất lượng của chương trình đào tạo theo quy định hiện hành hay không.

6. Tổ soạn thảo chương trình đào tạo hoàn thiện chương trình đào tạo theo nội dung biên bản họp Hội đồng thẩm định và nộp cho bộ phận quản lý đào tạo chậm nhất 30 ngày kể từ ngày họp Hội đồng thẩm định.

7. Sau khi có kết luận của Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo, trên cơ sở ý kiến của Hội đồng Khoa học và Đào tạo của cơ sở đào tạo, Hiệu trưởng các trường đại học thành viên ra quyết định ban hành và áp dụng chương trình đào tạo của các cơ sở đào tạo. Sau khi có kết luận của Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo, trên cơ sở ý kiến của Hội đồng Khoa học và Đào tạo đơn vị trực thuộc và thuộc ĐHTN, Giám đốc ĐHTN ra quyết định ban hành và áp dụng chương trình đào tạo của Trường Ngoại ngữ, Khoa Quốc tế và Phân hiệu ĐHTN. Quyết định ban hành và áp dụng chương trình đào tạo kèm theo chuẩn đầu ra, khung chương trình đào tạo và đề cương chi tiết các học phần trong chương trình đào tạo; công bố công khai chương trình đào tạo, mục tiêu, chuẩn đầu vào, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và các điều kiện đảm bảo thực hiện trên trang thông tin điện tử của ĐHTN và cơ sở đào tạo.

Điều 6. Rà soát, chỉnh sửa và cập nhật chương trình đào tạo

1. Các cơ sở đào tạo rà soát, chỉnh sửa và cập nhật chương trình đào tạo ít nhất 02 năm/ lần. Việc rà soát, chỉnh sửa và cập nhật chương trình đào tạo được thực hiện theo khoản 2 Điều này hoặc theo quy trình rút gọn, tùy theo mức độ chỉnh sửa, cập nhật chương trình đào tạo. Việc rà soát chương trình đào tạo cần các minh chứng về dữ liệu đầu vào, các quy trình và các dữ liệu đầu ra. Dữ liệu đầu vào gồm chuẩn đầu vào, chương trình đào tạo, đề cương học phần (Phụ lục 8), phương pháp giảng dạy, học tập, kiểm tra, đánh giá, hiện trạng sử dụng cơ sở vật chất và các nguồn lực khác. Các quy trình bao gồm quy trình giảng dạy, kiểm tra, đánh giá,... Các dữ liệu đầu ra gồm kết quả học tập, việc làm của sinh viên và định hướng phát triển, chuẩn đầu ra và mức độ

đạt chuẩn đầu ra của toàn bộ chương trình đào tạo. Thu thập các minh chứng phục vụ cho đánh giá chương trình đào tạo thông qua:

- a) Tài liệu liên quan đến chương trình đào tạo (mục tiêu, chuẩn đầu ra, khung chương trình, đề cương học phần, cơ sở vật chất, phương pháp giảng dạy và học tập).
- b) Phỏng vấn cá nhân và phỏng vấn theo nhóm.
- c) Sử dụng phiếu điều tra.
- d) Nhật ký giảng dạy.
- đ) Sử dụng các chuyên gia đánh giá ngoài.
- e) Theo dõi kết quả học tập của sinh viên theo thời gian.

Các minh chứng kể trên được thu thập thường xuyên và sử dụng trong việc tự đánh giá và đánh giá hằng năm để rà soát, chỉnh sửa và cập nhật nội dung chương trình đào tạo.

2. Quy trình rà soát, chỉnh sửa và cập nhật chương trình đào tạo theo các bước sau:

a) Bước 1: Lập kế hoạch rà soát, chỉnh sửa và cập nhật chương trình đào tạo. Thành lập Hội đồng rà soát, chỉnh sửa và cập nhật chương trình đào tạo.

b) Bước 2: Thu thập thông tin, minh chứng liên quan đến sự cần thiết phải chỉnh sửa, cập nhật chương trình đào tạo (những thay đổi trong quy định của nhà nước, của cơ sở đào tạo về chương trình đào tạo; những tiến bộ mới trong lĩnh vực khoa học thuộc ngành, chuyên ngành; tham khảo các chương trình đào tạo của các trường có uy tín trong và ngoài nước; các vấn đề kinh tế xã hội, kết quả nghiên cứu liên quan đến chương trình đào tạo; phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan; những thay đổi học phần hoặc nội dung chuyên môn,...).

c) Bước 3: Đánh giá và xây dựng báo cáo đánh giá về tính hiệu quả của chương trình đào tạo đang thực hiện (đáp ứng so với chuẩn đầu ra và mục tiêu đã xác định; sự thống nhất và gắn kết giữa nội dung chương trình, phương pháp kiểm tra đánh giá, nguồn tài liệu phục vụ học tập và giảng dạy...); so sánh giữa kết quả nghiên cứu về yêu cầu phát triển chương trình đào tạo và mức độ đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo đang thực hiện; dự kiến tác động của việc chỉnh sửa và cập nhật chương trình đào tạo (Phiếu khảo sát có nội dung tương tự Phụ lục 2).

d) Bước 4: Dự thảo những nội dung cần chỉnh sửa và cập nhật chương trình đào tạo và trình Hội đồng Khoa học và Đào tạo khoa chuyên môn xem xét thông qua.

đ) Bước 5: Hội đồng Khoa học và Đào tạo khoa chuyên môn xem xét, thông qua nội dung điều chỉnh và cập nhật chương trình đào tạo và trình Thủ trưởng cơ sở đào tạo ban hành chương trình đào tạo được chỉnh sửa và cập nhật. Cơ sở đào tạo

thành lập Hội đồng thẩm định việc rà soát, chỉnh sửa và cập nhật chương trình đào tạo trong trường hợp cần thiết. Hiệu trưởng Trường Ngoại ngữ, Trường khoa Quốc tế và Giám đốc Phân hiệu ĐHTN ban hành chương trình đào tạo chỉnh sửa và cập nhật nếu được Giám đốc ĐHTN ủy quyền.

Điều 7. Đánh giá và kiểm định chất lượng chương trình đào tạo

1. Trước khi khóa đầu tiên tốt nghiệp, chương trình đào tạo phải được đánh giá chất lượng; ngay sau khi khóa đầu tiên tốt nghiệp, chương trình đào tạo phải được kiểm định. Trường hợp không thực hiện đánh giá, kiểm định hoặc kết quả đánh giá, kiểm định không đạt yêu cầu, cơ sở đào tạo phải có trách nhiệm cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo, bảo đảm chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, bảo đảm quyền lợi cho người học, không được tiếp tục tuyển sinh ngành đào tạo đó cho đến khi đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng.

2. Cơ sở đào tạo có chương trình đào tạo được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục phải có trách nhiệm báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo và ĐHTN kết quả kiểm định chất lượng chương trình đào tạo, kế hoạch cải tiến, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo sau khi được cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng chương trình đào tạo; duy trì và phát triển các điều kiện đảm bảo chất lượng chương trình đào tạo. Thực hiện các kiến nghị của Hội đồng kiểm định chất lượng giáo dục về việc khắc phục những tồn tại (nếu có) và tiếp tục nâng cao chất lượng chương trình đào tạo.

3. Cơ sở đào tạo định kỳ tổ chức đánh giá và đăng ký kiểm định chất lượng chương trình đào tạo theo chu kỳ 05 năm/ lần. Các bước tự đánh giá chương trình đào tạo và kiểm định chất lượng chương trình đào tạo theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các tổ chức kiểm định chất lượng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 8. Trách nhiệm của các bên liên quan

1. Ban Đào tạo có nhiệm vụ hướng dẫn các cơ sở đào tạo phát triển chương trình đào tạo, làm đầu mối phối hợp với Ban Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục, Ban Kế hoạch - Tài chính, Ban Tổ chức Cán bộ, Ban Cơ sở vật chất và các ban chức năng có liên quan tổ chức thẩm định chương trình đào tạo của Trường Ngoại ngữ, Khoa Quốc tế, Phân hiệu ĐHTN và trình Giám đốc ĐHTN ban hành.

2. Phòng Đào tạo/Bộ phận Đào tạo là đầu mối hướng dẫn việc phát triển chương trình đào tạo và tổ chức thẩm định chương trình đào tạo tại các cơ sở đào tạo theo quy định.

3. Hằng năm, cơ sở đào tạo xây dựng kế hoạch và hoàn thành công tác rà soát, chỉnh sửa và cập nhật chương trình đào tạo của đơn vị mình. Việc phát triển chương trình đào tạo được thực hiện theo Quy định này và Quyết định số 2351/QĐ-ĐHTN ngày 02 tháng 12 năm 2022 của Giám đốc ĐHTN ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ của ĐHTN.

4. Chương trình đào tạo được ban hành và công khai là cơ sở pháp lý cho việc triển khai đào tạo tại các cơ sở đào tạo.

Điều 9. Chế độ báo cáo và công khai thông tin về chương trình đào tạo

1. Cơ sở đào tạo định kỳ 02 năm/ lần báo cáo kết quả rà soát, điều chỉnh và cập nhật chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học về ĐHTN (qua Ban Đào tạo).

2. Hằng năm, các cơ sở đào tạo công khai thông tin về chương trình đào tạo bao gồm bản mô tả chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra chương trình đào tạo, tóm tắt mô tả học phần trên trang thông tin điện tử để các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.

Điều 10. Điều khoản thi hành

1. Quy định này có hiệu lực từ ngày ký ban hành và thay thế cho Quyết định số 691/QĐ-ĐHTN ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Giám đốc ĐHTN ban hành Quy định về phát triển chương trình đào tạo trình độ đại học của ĐHTN.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh hoặc khó khăn, vướng mắc, các đơn vị, cá nhân kịp thời phản ánh về ĐHTN (qua Ban Đào tạo) để báo cáo Giám đốc ĐHTN xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

PHỤ LỤC 1

Ma trận quan hệ chuẩn đầu ra và mục tiêu cụ thể của chương trình đào tạo

(Kèm theo Quyết định số 2528 /QĐ-ĐHTN ngày 09 tháng 6 năm 2023 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên)

Ví dụ: Ma trận quan hệ chuẩn đầu ra và mục tiêu cụ thể của chương trình đào tạo, trong đó chuẩn đầu ra có đóng góp cho mục tiêu cụ thể của chương trình đào tạo đánh dấu “x” vào ô tương ứng.

[illegible]

PHỤ LỤC 2**Mẫu phiếu khảo sát nhu cầu sử dụng nguồn nhân lực (mẫu tham khảo)***(Kèm theo Quyết định số 2528 /QĐ-ĐHTN ngày 09 tháng 6 năm 2023**của Giám đốc Đại học Thái Nguyên)***ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****TRƯỜNG ĐẠI HỌC****Độc lập - Tự do – Hạnh phúc****KHOA:****PHIẾU KHẢO SÁT
NHU CẦU SỬ DỤNG NGUỒN NHÂN LỰC*****Kính gửi:***

Đại học..... - Đại học Thái Nguyên xin gửi tới Quý cơ quan/Ông/Bà lời chúc sức khỏe, hạnh phúc và thành đạt trong sự nghiệp.

Nhằm thực hiện kế hoạch chiến lược của Trường Đại học..... - Đại học Thái Nguyên, giai đoạn ..., Khoa..... được phân công xây dựng/phát triển chương trình đào tạo, chúng tôi xin trình bày sơ lược một số điểm của chương trình đào tạo trên như sau:

1. Mục tiêu đào tạo***1.1. Mục tiêu chung:***

Mục tiêu của chương trình là

1.2. Mục tiêu cụ thể:***Kiến thức***

Cung cấp các kiến thức cơ bản về

Kỹ năng

- Chuyên ngành:
- Giao tiếp:...
- Làm việc theo nhóm:...
- Ngoại ngữ:...
- Kỹ năng số:

.....

Năng lực tự chủ và trách nhiệm:**2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:**

Người tốt nghiệp chương trình đào tạo có khả năng:

1.....

2.....

.....

3. Vị trí làm việc (cơ hội nghề nghiệp/việc làm):

.....

4. Bậc đào tạo (trình độ đào tạo): Đại học

5. Thời gian đào tạo và tổng số tín chỉ:

- Thời gian đào tạo: năm.

- Tổng số tín chỉ: tín chỉ.

Tôi rất mong Quý cơ quan/ Ông/Bà vui lòng đóng góp ý kiến theo hướng dẫn sau và gửi phiếu này về cho chúng tôi theo địa chỉ:

.....

....., ngày.....tháng.....năm.....

TRƯỞNG KHOA

(Chữ ký, họ và tên)

Mẫu phiếu khảo sát kèm theo Phụ lục 2 (mẫu tham khảo)

*(Kèm theo Quyết định số 2528 /QĐ-ĐHTN ngày 09 tháng 6 năm 2023
của Giám đốc Đại học Thái Nguyên)*

1. Nhu cầu của Quý cơ quan về nguồn nhân lực được đào tạo theo trình độ và ngành đào tạo nói trên:

- Nhu cầu tuyển dụng nguồn nhân lực:

.....

- Quy mô tuyển dụng nhân sự (chỉ trả lời nếu có nhu cầu tuyển dụng):

Nhu cầu nhân lực	01-05	06-10	11-20	20-50	Trên 50
Năm tới					
2-5 năm tới					
Trên 05 năm tới					

Không có nhu cầu tuyển dụng nguồn nhân lực:

.....

Lý do tuyển dụng hoặc không tuyển dụng nguồn nhân lực:

.....

2. Những ý kiến đóng góp về yêu cầu năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp:

- Mục tiêu đào tạo:

- Chuẩn đầu ra:

Kiến thức chung, kiến thức chuyên ngành:

Kỹ năng mềm và chuyên ngành:.....

Kỹ năng số:.....

Các năng lực khác.....

- Cơ hội nghề nghiệp:

.....

PHỤ LỤC 3

Mẫu phiếu điều tra về khung chương trình đào tạo

(Dành cho chuyên gia giáo dục và cựu người học)

(Kèm theo Quyết định số **2528** /QĐ-ĐHTN ngày **09** tháng **6** năm 2023
của Giám đốc Đại học Thái Nguyên)

(Dành cho Khung chương trình nâng cấp hoặc Khung chương trình được xây dựng mới dự kiến để đánh giá khối lượng, nội dung và trình độ kiến thức, kỹ năng cần có của sinh viên tốt nghiệp chương trình đào tạo)

1. Dưới đây là khung chương trình dự kiến của ngành thuộc..... (cơ sở đào tạo). Theo Quý Ông/Bà:

Số tín chỉ của các học phần sau có hợp lý không? (1) **Quá ít** - (2) **Ít** - (3) **Hợp lý** - (4) **Nhiều** - (5) **Quá nhiều**. Nếu chưa hợp lý, Quý ông/bà kiến nghị số tín chỉ cho các học phần đó là bao nhiêu?

	Học phần	Số tín chỉ	Mức độ cần thiết	Mức độ hợp lý của số tín chỉ	Kiến nghị số tín chỉ
I.	Khối kiến thức chung				
1	Học phần 1	---	1 2 3 4 5	1 2 3 4 5	
2		---	1 2 3 4 5	1 2 3 4 5	
II	Khối kiến thức chung theo lĩnh vực				
...		---	1 2 3 4 5	1 2 3 4 5	
...		---	1 2 3 4 5	1 2 3 4 5	
III	Khối kiến thức chung cho nhóm ngành				
...		---	1 2 3 4 5	1 2 3 4 5	
...		---	1 2 3 4 5	1 2 3 4 5	
IV	Khối kiến thức ngành và bổ trợ				
...		---	1 2 3 4 5	1 2 3 4 5	

	Học phần	Số tín chỉ	Mức độ cần thiết	Mức độ hợp lý của số tín chỉ	Kiến nghị số tín chỉ
...		---	1 2 3 4 5	1 2 3 4 5	
V	Khối kiến thức thực tập và tốt nghiệp	...	1 2 3 4 5	1 2 3 4 5	
	Tổng số tín chỉ	...			

2. Theo Ông/Bà, nên bổ sung học phần nào dưới đây vào khung chương trình đào tạo ngành..... (khoanh tròn vào phương án lựa chọn)?

STT	Học phần	Lựa chọn	
		1. Nên bổ sung	2. Không nên bổ sung
1	Học phần 1	1	2
2		1	2
....		1	2

PHỤ LỤC 4

Ma trận mức độ đóng góp của học phần vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

(Kèm theo Quyết định số 2528 /QĐ-ĐHTN ngày 09 tháng 6 năm 2023 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên)

Các đơn vị đào tạo có thể sử dụng các thang đo khác nhau ví dụ như thang Likert hoặc thang Bloom để thể hiện mức độ đóng góp của học phần vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

Ví dụ về ma trận sử dụng thang ba mức độ từ 1 đến 3 trong đó:

Mức 1: Thấp

Mức 2: Trung bình

Mức 3: Cao

Để trống: Đóng góp không rõ ràng

Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo Mã học phần	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	...	...	PLOn
ECO101	3	...		1			
ECO102	3	3	...	...			
BUS301	3	1	1	...			
.....	3	2	...	2			

Ví dụ về ma trận sử dụng thang bậc của Bloom:

Phân loại	Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4	Mức 5	Mức 6	Để trống: Đóng góp không rõ ràng
Kiến thức	Biết	Hiểu	Áp dụng	Phân tích	Đánh giá	Sáng tạo	
Kỹ năng	Bắt chước	Thao tác	Chính xác	Thành thạo	Kỹ xảo		
Thái độ	Tiếp nhận	Hồi đáp	Đánh giá	Tổ chức	Tính cách		

PHỤ LỤC 5

Ma trận đóng góp của chuẩn đầu ra học phần vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

(Kèm theo Quyết định số 2528/QĐ-ĐHTN ngày 09 tháng 6 năm 2023 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên)

[illegible]

PHỤ LỤC 6

Gợi ý sử dụng động từ và các phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá tương thích với chuẩn đầu ra¹

(Kèm theo Quyết định số 2528/QĐ-ĐHTN ngày 09 tháng 6 năm 2023 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên)

Năng lực	Động từ viết chuẩn đầu ra	Phương pháp giảng dạy	Phương pháp đánh giá
Nhớ	Định nghĩa Mô tả Xác định Dán nhãn Liệt kê Kết hợp Gọi tên Outline/ Phác thảo Hồi tưởng, nhớ lại Phân biệt Sao chép, mô phỏng Lựa chọn Phát biểu Xác định vị trí, định vị	Giảng dạy trực tiếp Thuyết trình Bài tập chứng minh và thực hành Đóng vai Mô hình hóa Mô phỏng Câu đố Xoá và ghi nhớ Đa phương tiện	Trắc nghiệm đa lựa chọn Câu trả lời ngắn Kiểm tra viết Kiểm tra thực hành Ghép đôi Thuyết trình (ví dụ: kể lại, tóm tắt)
Hiểu	Minh họa So sánh	Bài học Giảng dạy tường tận	Trắc nghiệm đa lựa chọn Câu trả lời ngắn

¹ Tham khảo tài liệu Hướng dẫn tự đánh giá chương trình đào tạo của AUN-QA năm 2016.

Năng lực	Động từ viết chuẩn đầu ra	Phương pháp giảng dạy	Phương pháp đánh giá
	Tính toán Phân biệt Giải thích Phân loại Khái quát Thông dịch Diễn giải Viết lại Tóm tắt Dịch	Đóng vai Thảo luận Xây dựng khái niệm (ví dụ bản đồ tư duy, sơ đồ cây) Mô hình Đa phương tiện	Thuyết trình Thực hiện Kiểm tra thực hành Viết luận Diễn giải Áp phích Bài tập
Áp dụng	Thực hiện Sắp xếp Soạn thành kịch Giải quyết Xây dựng Chứng minh Khám phá Vận dụng Sửa đổi Vận hành Dự đoán Chuẩn bị Sản xuất Liên hệ	Chứng minh Giải quyết vấn đề Thực địa Thí nghiệm Cho thấy và kể Pha trộn và kết hợp Đóng vai Nghiên cứu trường hợp Dự án Giao việc Mô phỏng	Dự án Thuyết trình Áp phích Thực tập/Thực địa Giao việc Nghiên cứu trường hợp Mô phỏng

Năng lực	Động từ viết chuẩn đầu ra	Phương pháp giảng dạy	Phương pháp đánh giá
Phân tích	Phân tích So sánh Lựa chọn Tương phản Tháo gỡ Bảo chữa Phân biệt Giải thích hợp lý hóa Chẩn đoán	Nghiên cứu trường hợp Dự án nhóm Phân công công việc Thực nghiệm trong phòng thí nghiệm Thực địa Dạy học dựa trên vấn đề Tranh luận Nghiên cứu Xây dựng khái niệm	Viết luận Poster Viết báo cáo Thuyết trình Hồ sơ Dự án Kiểm tra thực nghiệm Nghiên cứu Nghiên cứu trường hợp Bài phê bình Mô phỏng
Đánh giá	Xếp hạng Đánh giá Giám sát Kiểm tra Phán xét Đánh giá Dự toán Nghiên cứu, khảo sát	Học dựa trên vấn đề Tranh biện Thí nghiệm/thực nghiệm Dự án Thực tập Tập giảng Nghiên cứu trường hợp	Thuyết trình Viết Tranh biện Phiên toà giả định Tiểu luận Thí nghiệm Dự án Kiểm tra thực nghiệm Nghiên cứu trường hợp
Sáng tạo	Tạo ra Lập kế hoạch Sáng tác Phát triển Tạo ra Phát minh Tổ chức	Giải quyết vấn đề Nghiên cứu trường hợp Dự án nghiên cứu Thực tập Thực nghiệm Thực địa Mô hình	Trình bày Tiểu luận Tạp chí Viết báo cáo Mẫu thử nghiệm/sản phẩm dùng thử hay mẫu Bài kiểm tra thực hành

Năng lực	Động từ viết chuẩn đầu ra	Phương pháp giảng dạy	Phương pháp đánh giá
	Xây dựng Sản xuất Thiết kế Đổi mới Tổng hợp Sửa đổi	Tự học	Soạn, viết (kịch, bài hát, bài thơ,...) Nghiên cứu Các dự án Bài tập Áp phích

PHỤ LỤC 7

Mẫu đề án xây dựng chương trình đào tạo mới

(Kèm theo Quyết định số 2528/QĐ-ĐHTN ngày 09 tháng 6 năm 2023
của Giám đốc Đại học Thái Nguyên)

I. Luận cứ xây dựng chương trình đào tạo

- Vai trò, ý nghĩa của ngành đào tạo đối với sự phát triển kinh tế - xã hội và khoa học - công nghệ.
- Nhu cầu về nhân lực của ngành đào tạo.
- Thực trạng của ngành đào tạo hiện nay ở Việt Nam nói chung và ở đơn vị đào tạo nói riêng.
- Các căn cứ pháp lý khác.

II. Xác định nhu cầu xã hội

III. Tình hình đào tạo trên thế giới và ở Việt Nam

- Thế giới:

- Tình hình đào tạo.

- Thu thập và đánh giá một số khung chương trình đào tạo của các trường đại học được xếp hạng thuộc danh sách 500 trường đại học tốt nhất thế giới. Thống kê khoảng 05 khung chương trình đào tạo theo đúng (hoặc gần đúng) ngành dự kiến xây dựng trên cơ sở bảng sau:

Danh mục cơ sở đào tạo nước ngoài đang đào tạo ngành ...

STT	Tên nước	Cơ sở đào tạo	Mục tiêu đào tạo	Danh hiệu tốt nghiệp	Địa chỉ trang web

- Việt Nam:

- Tình hình đào tạo.

- Nhu cầu tuyển dụng, nhu cầu về nguồn nhân lực tại địa bàn tuyển sinh đối với ngành, chuyên ngành mở mới.

- Thu thập và đánh giá một số khung chương trình đào tạo của các trường đại học có uy tín ở Việt Nam. Thống kê khoảng 05 khung chương trình đào tạo theo đúng (hoặc gần đúng) dự kiến xây dựng trên cơ sở bảng sau:

Danh mục cơ sở đào tạo trong nước đang đào tạo ngành ...

STT	Tên nước	Cơ sở đào tạo	Mục tiêu đào tạo	Danh hiệu tốt nghiệp	Địa chỉ trang web

- Chương trình đào tạo của trường đại học có uy tín ở nước ngoài được sử dụng để xây dựng chương trình đào tạo của đơn vị:

IV. Chuẩn đầu vào và tuyển sinh

- Chuẩn đầu vào:
- Đối tượng dự thi:
- Tổ hợp môn xét tuyển:
- Kế hoạch tuyển sinh:

V. Điều kiện tổ chức đào tạo của đơn vị liên quan đến ngành đào tạo

- Đội ngũ cán bộ giảng viên tham gia giảng dạy chương trình: Số giảng viên cơ hữu, giảng viên thỉnh giảng, giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ, thạc sĩ, cử nhân.
- Cơ sở vật chất: Giảng đường (số lượng, diện tích), phòng thí nghiệm (tên, diện tích, trang thiết bị,...), các cơ sở thực tập, thực hành, thực tế, thư viện, học liệu (bao gồm cả học liệu điện tử), trang thiết bị, phương tiện giảng dạy, hạ tầng số.
- Các hợp tác, liên kết về đào tạo, nghiên cứu khoa học liên quan.

VI. Chương trình đào tạo

- 6.1. Tên ngành (tiếng Việt và tiếng Anh)
- 6.2. Tên chương trình đào tạo
- 6.3. Hệ đào tạo
- 6.4. Danh hiệu tốt nghiệp (kỹ sư, cử nhân, thạc sĩ, tiến sĩ)
- 6.5. Thời gian đào tạo
- 6.6. Ngôn ngữ đào tạo

6.7. Đơn vị đào tạo

6.8. Mục tiêu đào tạo

6.8.1. Mục tiêu chung (bám sát mục tiêu chung của giáo dục đại học theo các trình độ)

6.8.2. Mục tiêu cụ thể

- Kiến thức
- Kỹ năng gồm: Kỹ năng cứng, kỹ năng mềm và kỹ năng số
- Năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm

6.9. Chuẩn đầu vào

6.10. Chuẩn đầu ra

- Kiến thức
- Kỹ năng gồm: Kỹ năng cứng, kỹ năng mềm và kỹ năng số
- Năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm
- Định hướng nghề nghiệp

6.11. Nội dung đào tạo

6.11.1. Tổng số tín chỉ phải tích lũy

- Khối kiến thức chung:
- Khối kiến thức chung theo lĩnh vực:
- Khối kiến thức chung của nhóm ngành:
- Khối kiến thức ngành và bổ trợ:
- Khối kiến thức thực tập và tốt nghiệp:

6.11.2. Khung chương trình đào tạo

TT	Mã số	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
I		Khối kiến thức chung					
1							

...							
II		Khối kiến thức chung theo lĩnh vực					
1							
....							
III		Khối kiến thức của nhóm ngành					
<i>III.1</i>		<i>Các học phần bắt buộc</i>					
...							

<i>III.2</i>		<i>Các học phần tự chọn</i>					
....							
....							
V		Khối kiến thức ngành và bổ trợ					
1							
...							
VI		Khối kiến thức thực tập và tốt nghiệp					
Tổng số							

6.11.3. Xây dựng ma trận đóng góp của học phần vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo Học phần	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	...	...	PLO _n
.....							

.....							
.....							
.....							

6.11.4. Trình tự nội dung chương trình và bản đồ chương trình dạy học (để cho sinh viên tham khảo)

Sơ đồ hóa chương trình dạy học theo học kỳ và theo năm, thể hiện rõ các khối kiến thức, chỉ rõ mối liên hệ giữa các học phần, mỗi học phần ghi đầy đủ mã học phần, số tín chỉ (lý thuyết, thực hành, thực tế).

VII. Tóm tắt nội dung học phần

Mỗi học phần tóm tắt theo mẫu sau:

- Số thứ tự, mã số học phần, tên học phần bằng Tiếng Việt, số tín chỉ.
- Học phần tiên quyết: Mã số học phần và tên học phần tiên quyết.
- Tóm tắt nội dung học phần.

VIII. Đề cương chi tiết học phần

- Tên gọi học phần Tiếng Việt/ Tiếng Anh.
- Các yêu cầu của học phần như điều kiện tiên quyết khi đăng ký học phần, tín chỉ, cơ sở vật chất, hạ tầng số,...
- Mục tiêu/chuẩn đầu ra của học phần.
- Ma trận đóng góp của chuẩn đầu ra học phần vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.
- Trình tự nội dung giảng dạy.
- Các phương pháp dạy, học, và kiểm tra đánh giá giúp người học đạt được chuẩn đầu ra của học phần.
- Thông tin chi tiết về kiểm tra đánh giá người học.
- Thời điểm xây dựng hoặc hiệu chỉnh bản mô tả chi tiết học phần.

IX. Danh mục học liệu (ghi theo số thứ tự trong khung chương trình)

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Tên sách	Tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
-----	-------------	--------------	------------	----------	---------	--------------	--------------

1							
...							

Danh mục học liệu bao gồm cả học liệu điện tử (học liệu chung của ĐHTN và học liệu của các cơ sở đào tạo).

X. Đội ngũ cán bộ giảng dạy (ghi theo số thứ tự trong khung chương trình)

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Cán bộ giảng dạy				
				Họ tên	Chức danh khoa học, học vị	Chuyên ngành đào tạo	Giảng dạy bằng Tiếng Anh	Đơn vị công tác

XI. Bảng đối chiếu, so sánh chương trình đào tạo đã xây dựng với chương trình đào tạo tiên tiến của nước ngoài và chương trình đào tạo trong nước (đã sử dụng để xây dựng chương trình)

TT	Học phần trong chương trình đào tạo (Tiếng Anh, tiếng Việt)	Tên học phần trong khung chương trình đào tạo đã sử dụng để xây dựng học phần	Phần trăm nội dung giống nhau
(1)	(2)	(3)	(4)
1.			
2.			

Tài liệu tham khảo:

- Khung chương trình đào tạo của trường đại học nước ngoài được sử dụng để tham khảo xây dựng chương trình đào tạo (tên học phần, thời lượng, tóm tắt nội dung học phần).
- Khung chương trình đào tạo hiện hành của chương trình đào tạo dự kiến mở của một số trường đại học có uy tín trong nước (ít nhất có 02 chương trình tham khảo).
- Các tài liệu liên quan khác.

PHỤ LỤC 8**Mẫu đề cương học phần trong chương trình đào tạo**

(Kèm theo Quyết định số 2528 /QĐ-ĐHTN ngày 09 tháng 6 năm 2023
của Giám đốc Đại học Thái Nguyên)

TRƯỜNG.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**KHOA.....****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN****Tên học phần:****Mã học phần:****1. Thông tin chung về học phần**

- Số tín chỉ: Loại học phần: (bắt buộc, tự chọn)
- Các học phần tiên quyết:
- Học phần học trước:
- Các học phần song hành:
- Các yêu cầu đối với học phần (nếu có):
- Bộ môn (Khoa) phụ trách học phần:
- Số tiết quy định đối với các hoạt động:

+ Nghe giảng lý thuyết : tiết

+ Thảo luận : tiết

+ Làm bài tập : tiết

+ Thực hành, thí nghiệm: tiết

+ Hoạt động theo nhóm : tiết

+ Tự học : giờ

+ Bài tập lớn (tiểu luận): giờ

+ Tự học có hướng dẫn : giờ

2. Thông tin chung về các giảng viên

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email	Ghi chú
1	TS. Nguyễn Văn A	0912.....	mail@tnu.edu.vn	
2				
....				

3. Mô tả tóm tắt nội dung học phần, mục tiêu của học phần

Trình bày ngắn gọn vai trò, vị trí học phần, kiến thức sẽ trang bị cho sinh viên, quan hệ với các học phần khác trong chương trình đào tạo.

Cụ thể mục tiêu của học phần thành các mục kiến thức, kỹ năng (bao gồm cả kỹ năng số), năng lực tự chủ. Mỗi mục tiêu tách thành một ý riêng.

4. Chuẩn đầu ra học phần

Ma trận đóng góp của mục tiêu, chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

Mục tiêu của học phần	Thứ tự chuẩn đầu ra	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo	Mức độ đóng góp
CO1	CLO1		PLO 1	
	CLO2		PLO 4	
CO2	CLO3		PLO n	
CO3		...	...	...

Chú thích: Cần ghi rõ định nghĩa và giải thích về mức độ đóng góp của chuẩn đầu ra học phần cho chuẩn đầu ra chương trình đào tạo để thống nhất chung trong toàn đơn vị.

5. Học liệu

- Tài liệu học tập chính: ghi rõ tên sách, giáo trình, năm xuất bản, nhà xuất bản (từ 01 đến 03 tài liệu).

- Tài liệu tham khảo: ghi rõ những sách, tạp chí và tư liệu thông tin liên quan đến học phần (ít nhất 04 tài liệu).

- Học liệu điện tử (nếu có).

Chú ý:

- Tài liệu học tập phải đáp ứng yêu cầu của Thông tư số 35/2021/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành quy định việc biên soạn, lựa chọn, thẩm định, duyệt và sử dụng tài liệu giảng dạy, giáo trình giáo dục đại học.

- Tài liệu học tập chính phải có sự phê duyệt của Thủ trưởng cơ sở đào tạo sau khi đã thông qua Hội đồng thẩm định đưa tài liệu vào sử dụng trong chương trình đào tạo theo quy định.

- Tài liệu tham khảo phải ghi đủ tên tài liệu, tác giả, nhà xuất bản, năm xuất bản, đường dẫn của các trang web,...

6. Nhiệm vụ của sinh viên

Mô tả các yêu cầu đối với sinh viên theo quy định chung và đặc thù của học phần, bao gồm cả đạo đức học thuật.

6.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận

- Dự lớp $\geq 80\%$ tổng số thời lượng của học phần, bao gồm cả thời gian học trực tuyến (nếu có).

- Chuẩn bị thảo luận.

- Hoàn thành các bài tập được giao trong sách bài tập.

6.2. Phần thí nghiệm, thực hành (nếu có)

- Các bài thí nghiệm, thực hành của học phần.

- Yêu cầu cần đạt đối với phần thí nghiệm, thực hành.

6.3. Phần bài tập lớn, tiểu luận (nếu có)

- Tên bài tập lớn hoặc tiểu luận.

- Yêu cầu cần đạt, trong đó quy định rõ yêu cầu về liên chính học thuật.

6.4. Phần khác (nếu có)

Ví dụ như tham quan thực tế.

7. Phương pháp kiểm tra, đánh giá người học và thang điểm

- Các phương pháp kiểm tra đánh giá giúp đạt được và thể hiện, đánh giá được các kết quả học tập của học phần. Gợi ý lựa chọn các phương pháp kiểm tra, đánh giá phù hợp với chuẩn đầu ra xem Phụ lục 6.

- Làm rõ thang điểm, tiêu chí đánh giá và mô tả mức đạt được điểm số - Điểm đánh giá bộ phận chấm theo thang điểm 10 với trọng số như sau:

- + Thảo luận, bài tập: (a)
- + Kiểm tra giữa học phần: (b)
- + Chuyên cần: (c)
- + Thí nghiệm, thực hành (nếu có): (d)
- + Bài tập lớn, tiểu luận (nếu có): (e)
- + Điểm thi kết thúc học phần: (f)

+ Hình thức thi (vấn đáp, thi viết tự luận hoặc trắc nghiệm)

- Điểm học phần: Là điểm trung bình chung có trọng số của các điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần làm tròn đến một chữ số thập phân.

Chú ý:

+ $f = 1 - (a + b + c + d + e)$ và $f \geq 0,5$

+ Tùy theo đặc điểm của học phần và của chuyên ngành đào tạo, thí nghiệm, thực hành có thể tách thành một học phần riêng và đánh giá điểm độc lập.

+ Đảm bảo mỗi chuẩn đầu ra của học phần được đánh giá ít nhất 02 lần trong quá trình học.

7.1. Kế hoạch kiểm tra

STT	Nội dung	Thời điểm (Tiết thứ)	Chuẩn đầu ra được đánh giá	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá	Tỷ lệ %
I. Chuyên cần			CLO1 CLO6	Quan sát	Rubric 1	
II. Kiểm tra thường xuyên						
1	Chương 1, 2	12	CLO1 CLO2	Tự luận/ câu trả lời ngắn	Đề kiểm tra gồm 02 câu/ Rubric 2	
2	Chương 3, 4	30	CLO3 CLO4	Trắc nghiệm đa lựa chọn	Đề kiểm tra gồm 20 câu / Đáp án, Thang điểm	
3						
III. Thi cuối kỳ						
	Chương 1-6		CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Báo cáo tiểu luận	Rubric 3	

7.2. Các Rubric đánh giá chuẩn đầu ra của học phần

Trình bày lần lượt các Rubric đã xây dựng, lưu ý mô tả nội dung đánh giá gắn với chuẩn đầu ra học phần.

8. Nội dung chi tiết học phần

Trình bày các chương, mục trong chương. Trong từng chương ghi tổng số tiết; số tiết giảng lý thuyết (bao gồm cả giờ dạy theo hình thức trực tuyến), bài tập, thảo luận.

Lựa chọn phương pháp dạy và học phù hợp với trình độ năng lực công bố trong chuẩn đầu ra xem Phụ lục 6.

Tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá	Tài liệu tham khảo
1, 2, 3	Chương 1:				
	A. Nội dung trên lớp 1..... 2.	CLO1	Thuyết trình Thực hành	Kiểm tra viết giữa kỳ	[1], Trang 1-15 [2] Trang 20-40
	B. Nội dung tự học 1. 2.	CLO1	Tự học có hướng dẫn	Đánh giá chuyên cần	[3], Trang 3-10 [2] Trang 41-60
1, 2, 3	Chương 2:				
	A. Nội dung trên lớp 1..... 2.	CLO2	Thuyết trình Thực hành	Kiểm tra viết giữa kỳ	[1], Trang 1-15 [4] Trang 30-50
	B. Nội dung tự học 1. 2.	CLO2	Tự học có hướng dẫn	Đánh giá chuyên cần	[5], Trang 5-17

9. Thời điểm ban hành đề cương chi tiết học phần

10. Tổng hợp các kết quả chỉnh sửa

11. Cá nhân, đơn vị ký ban hành